

Số: 028/KH-THCVA

Đức An, ngày 04 tháng 09 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, thống kê giáo dục trường Tiểu học Chu Văn An năm 2024 - 2025

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành điều lệ Trường tiểu học;

Căn cứ công văn 4324/BGDĐT-CNTT, ngày 14 tháng 08 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và thống kê giáo dục năm học 2024 – 2025;

Căn cứ Quyết định 4275/QĐ-BGDĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo thường xuyên;

Căn cứ Kế hoạch 58/KH-SGDĐT, ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông về chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 38/KH-THCVA ngày 20 tháng 09 năm 2024 của trường Tiểu học Chu Văn An về việc thực nhiệm năm học 2024 – 2025 của đơn vị.

Trường Tiểu học Chu Văn An xây dựng Kế hoạch triển khai, thực hiện trong năm học 2024 – 2025 của nhà trường cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, MỤC TIÊU

1. Mục đích

Thúc đẩy đổi mới mạnh mẽ trong tổ chức dạy học, quản lý các hoạt động giáo dục và quản trị nhà trường, góp phần tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả của hệ thống giáo dục quốc dân, hình thành nền tảng số cho xã hội học tập, tạo cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng tốt với chi phí thấp cho mọi người dân.

Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”

2. Yêu cầu

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số góp phần đổi mới phương pháp dạy học, quản lý giáo dục; tác động tích cực, 2 toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục đào tạo;

Người học và người dân là trung tâm của quá trình chuyển đổi số giáo dục; lợi ích mang lại đối với người học và người dân là thước đo chủ yếu đánh giá mức độ thành công của chuyển đổi số;

Chuyển đổi số trong giáo dục cần có sự thay đổi nhận thức mạnh mẽ, sự chỉ đạo

quyết liệt của các cấp quản lý, sự chủ động, tích cực của nhà trường và sự ủng hộ, tham gia của mỗi người học, mỗi nhà giáo và toàn xã hội.

Chuyển đổi số trong giáo dục phải được thiết kế đồng bộ, bao quát, có hệ thống trong tổng thể chương trình chuyển đổi số quốc gia; được triển khai từng bước có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao trong từng giai đoạn.

3. Mục tiêu

Tận dụng tiên bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Cùng với các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn từng bước hoàn thiện nền tảng chuyển đổi số của ngành, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu chuyển đổi số của toàn tỉnh:

+ 100% các lớp có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số.

+ 50% trở lên học sinh và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

+ Triển khai có hiệu quả các nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, đạt từ 50% trở lên học sinh sử dụng.

+ Kho học liệu của trường đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông.

+ Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục tiểu học được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5%.

Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước và các cơ sở giáo dục:

+ Áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 100% người học, 100% nhà giáo và mỗi hoạt động giáo dục được quản lý bằng một hồ sơ số, định danh thống nhất toàn quốc.

+ 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành, kết nối thông suốt với các cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục các cấp, chia sẻ dữ liệu thông suốt với các cơ sở dữ liệu của huyện, tỉnh và quốc gia.

+ 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện áp dụng hình thức trực tuyến được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 (nếu không phát sinh thanh toán). Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

+ Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến trên môi trường số của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 80%

+ Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến trên môi

trường số của nhà trường đạt 80%.

II. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Chuyển đổi số trong dạy, học và đánh giá: Triển khai có hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên

2. Tiếp tục triển khai có hiệu quả kế hoạch tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

3. Hoàn thiện, khai thác, sử dụng hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành Giáo dục về giáo dục phổ thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Góp phần xây dựng CSDL dùng chung ngành GDĐT và các ứng dụng CNTT quản lý ngành theo kế hoạch đã được phê duyệt.

4. Triển khai ứng dụng trong toàn ngành: Hệ thống hộp thư điện tử giữa nhà trường với các cấp lãnh đạo, giữa BGH với các tổ chuyên môn, các tổ chức, ban ngành đoàn thể trong nhà trường và cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường thực hiện tập huấn qua mạng; hệ thống quản lý tuyển sinh đầu cấp học bằng hình thức trực tuyến; sử dụng hệ thống hội nghị trực tuyến qua các phần mềm, triển khai hệ thống học tập, khảo sát, đánh giá kết quả học tập của học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 qua mạng internet; Xây dựng hệ thống quản lý kiểm tra, thi VioEdu, ngân hàng đề kiểm tra; thực hiện dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi của ngành, ứng dụng CNTT thiết thực nhằm cải cách hoạt động hành chính tại đơn vị.

5. Triển khai sử dụng phần mềm quản lý nhà trường, sử dụng các loại sổ điện tử trong nhà trường phù hợp với quy định quản lý chuyên môn, phù hợp với cấp học. Nghiên cứu ứng dụng giải pháp giáo dục thông minh để áp dụng nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

6. Ký kết với đối tác xây dựng hoàn thiện, ổn định Cổng thông tin của nhà trường theo hướng dẫn tại Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ GDĐT có hiệu lực từ 20/11/2020. Triển khai hệ thống cổng thông tin theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/09/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

7. Công tác bồi dưỡng giáo viên: Xây dựng kho học liệu trực tuyến của trường, kho bài giảng e-learning, kho học liệu số của ngành phục vụ nhu cầu tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực, đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa của giáo viên.

8. Công tác bồi dưỡng giáo viên: Tiếp tục cử CBGV, NV nhà trường tham gia bồi dưỡng giáo viên toàn ngành chương trình giáo dục phổ thông 2018 qua hệ thống LMS (Learning Management System); bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT, sử dụng CNTT trong dạy học; các chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực, đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa giáo viên.

9. Hoàn thành việc sử dụng học bạ điện tử ở khối lớp 2 đến lớp 5.

10. Thực hiện tốt công tác tham mưu cho UBND thị trấn, phối hợp chặt chẽ với Phòng GDĐT và các ban, ngành có liên quan trong việc chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng CNTT của ngành Giáo dục.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Trong công tác quản lý

Thành lập Ban chỉ đạo Chuyển đổi số của trường do đ/c Bí thư chỉ bộ, Hiệu trưởng nhà trường làm trưởng ban.

Rà soát, đánh giá lại toàn bộ hạ tầng CNTT của đơn vị để đáp ứng việc triển khai các ứng dụng CNTT.

Áp dụng phần mềm quản lý nhà trường,

Ứng dụng CNTT trong tổ chức các cuộc họp, hội thảo, báo cáo chuyên đề.

Ứng dụng CNTT trong việc lưu trữ hồ sơ, sắp xếp hồ sơ.

Ứng dụng CNTT trong việc quản lý chuyên môn, quản lý hồ sơ, sổ điểm điện tử... Sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý học sinh, quản lý nhân sự, quản lý thư viện, quản lý tài chính đáp ứng yêu cầu quản lý chung của ngành

Rà soát, hoàn thiện các thông tin của đơn vị (trường, lớp, đội ngũ, học sinh, cơ sở vật chất) trên hệ thống CSDL toàn ngành, đặc biệt là dữ liệu năm học 2019-2020. Kịp thời cập nhật dữ liệu cho năm học 2020-2021, thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định trực tiếp trên hệ thống CSDL toàn ngành.

Thường xuyên kiểm tra và đánh giá việc ứng dụng CNTT toàn đơn vị.

Thường xuyên thông báo kết quả học tập và rèn luyện của học sinh cho phụ huynh qua tin nhắn điện tử, nhóm zalo.

Triển khai dịch vụ thu hộ và xuất hóa đơn điện tử đối với việc thu giá dịch vụ học phí, bảo hiểm học sinh và thu khác trong các nhà trường.

2. Trong dạy và học

Bước đầu áp dụng triển khai: Sổ điểm điện tử; Dạy học qua nền tảng dạy học trực tuyến.

Chỉ đạo tổ chuyên môn và mỗi giáo viên trong nhà trường xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT vào đổi mới phương pháp dạy học phù hợp yêu cầu thực tiễn; ứng dụng CNTT trong sinh hoạt tổ chuyên môn đem lại hiệu quả cao; ứng dụng CNTT thúc đẩy triển khai giáo dục STEM trong chương trình giáo dục phổ thông.

Tổ chức chuyên đề ứng dụng công nghệ thông tin cho 100% CBGVNV và khuyến khích giáo viên các bộ môn trong nhà trường tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản và truyền đạt cho học sinh các kiến thức, kỹ năng đó trong việc khai thác tài nguyên trên mạng internet, bảo mật, an toàn, an ninh thông tin trên môi trường mạng, có hiểu biết cơ bản về cuộc cách mạng 4.0.

Áp dụng triển khai các hệ thống LMS để dạy học qua mạng internet, áp dụng triển khai hệ thống học tập, khảo sát, đánh giá kết quả học tập của học sinh qua mạng internet.

Triển khai các giải pháp CNTT theo mô hình được hướng dẫn tại văn bản số 5807/BGDDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tổ chức các chương trình ngoại khóa cho học sinh có nội dung hướng dẫn cho học sinh có được kỹ năng ứng dụng CNTT; sử dụng mạng xã hội thông minh và an toàn.

III. THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2024 – 2025

1. Hạ tầng số

Tốc độ truy cập mạng băng rộng trên địa bàn: Chỉ số tải xuống (download) ở mạng di động băng rộng đạt: 45 Mbps. Chỉ số đối với mạng cố định băng rộng đạt: 87,38 Mbps.

Tỷ lệ GV, Phụ huynh có điện thoại thông minh đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang đạt 75%.

2. Nhân lực số

a) Đào tạo kỹ năng số cho cán bộ giáo viên, nhân viên

Tổ chức khoá tập huấn nâng cao trình độ và kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ, giáo viên, nhân viên ứng dụng công nghệ Blockchain (*công nghệ giúp mã hóa tất cả các dữ liệu thành các khối khác nhau, đồng thời kết nối chúng lại để tạo thành một chuỗi dài. Trong trường hợp có thêm thông tin mới, chúng sẽ được lưu vào khối mới và được nối vào khối cũ, để tạo thành một chuỗi mới*) trong quản lý cho 33 cán bộ, giáo viên, nhân viên; cử cán bộ phụ trách CNTT tham gia lớp tập huấn và tổ chức tập huấn nâng cao công tác đảm bảo an toàn, an ninh mạng và xử lý sự cố an ninh mạng cho cán bộ giáo viên toàn trường. Chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định; kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin.

Phối hợp triển khai, tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức nhằm nâng cao kỹ năng chuyển đổi số.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn với cơ chế thu hút, đãi ngộ để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên chuyên trách công nghệ thông tin của đơn vị.

Tổ chức khóa bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho 33 CB, GV, NV trên Nền tảng MOOCs của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Triển khai tập huấn kỹ năng số cho lực lượng giáo dục nhà trường: Tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số của nhà trường, tăng cường hướng dẫn các kỹ năng số cơ bản, thiết yếu (sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mua sắm trực tuyến; thanh toán trực tuyến; tự bảo vệ mình trên không gian mạng; sử dụng nền tảng số của tỉnh,...).

b) Triển khai Tổ công nghệ số

+ Gồm 6 thành viên:

1. Vũ Thị Minh Thảo – Phó Hiệu trưởng

2. Nguyễn Thị Liễu - Giáo viên CNTT
3. Trần Văn Nam – Bí thư chi đoàn trường
4. Trần Phan Hàn Thạch - TPT Đội
5. Nguyễn Thị Hạnh – Nhân viên kế toán
6. Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh – Nhân viên văn thư

3. An toàn, an ninh mạng

Công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá, giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng cho các hệ thống phục vụ điện tử. Tổ chức giám sát an toàn thông tin cho các Hệ thống thông tin dùng chung của nhà trường.

Công tác đảm bảo an toàn thông tin của đơn vị được triển khai theo mô hình 4 lớp (lực lượng tại chỗ, giám sát chuyên nghiệp, độc lập kiểm tra, kết nối với hệ thống giám sát cấp quản lý), các máy dùng chung trong đơn vị và cá nhân của đơn vị được triển khai các giải pháp, phần mềm phòng chống mã độc tập trung và giải pháp phát hiện, phản ứng lại sự cố, đồng thời được kết nối, chia sẻ thông tin về Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam.

4. Xã hội số

Triển khai hiệu quả các ứng dụng, nền tảng: Ứng dụng Đăk Nông ID; Nền tảng y tế: ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử; các nền tảng giáo dục số; Ứng dụng du lịch thông minh; Ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực giao thông, vận tải; triển khai nhân rộng mô hình Chợ 4.0.

5. Dữ liệu số

Đẩy nhanh tiến độ triển khai các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với lĩnh vực và hỗ trợ trong kiểm tra, đánh giá, thi và đánh giá kết quả giáo dục của nhà trường.

Triển khai sử dụng hoặc dịch chuyển lên nền tảng điện toán đám mây, trong đó đặc biệt chú trọng tới việc rà soát, đánh giá, bảo đảm trung tâm dữ liệu và nền tảng, dịch vụ điện toán đám mây phục vụ chính quyền số. Tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Xây dựng, sử dụng các CSDL dùng chung, khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các CSDL quốc gia. Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các tổ chức đoàn thể trong và ngoài đơn vị khởi tạo dữ liệu, khởi tạo dữ liệu mở của nhà trường tạo điều kiện phát triển xã hội số.

Khai thác hiệu quả Kho dữ liệu điện tử trực tuyến để lưu trữ dữ liệu.

6. Nền tảng số

Thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số theo kế hoạch của tỉnh Đăk Nông.

Tiếp tục rà soát, nâng cấp, cập nhật tính năng mới, tuyên truyền tới các tổ chức đoàn thể và các lực lượng giáo dục của nhà trường tăng cường sử dụng các nền tảng số đã được triển khai.

Nghiên cứu áp dụng, triển khai các nền tảng trợ lý ảo, nền tảng tổng hợp, phân

tích dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành công việc trong đơn vị.

Thực hiện tích hợp giải pháp xác thực qua tài khoản VneID cho các hệ thống thông tin dùng chung của đơn vị.

7. An toàn thông tin mạng

a) Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ

Đăng ký sử dụng Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ (tại địa chỉ: <http://capdo.ais.gov.vn>) và các nền tảng khác; đặc biệt là các hệ thống thông tin phục vụ chuyển đổi số, hệ thống thông tin dùng chung.

Đảm bảo 100% hệ thống thông tin đang triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin trước khi đưa vào vận hành, khai thác; đảm bảo 100% hệ thống thông tin đang vận hành, khai thác thuộc phạm vi quản lý phải được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phân đầu triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Thực hiện kiểm tra đánh giá định kỳ an toàn thông tin cho hệ thống thông tin theo quy định (tối thiểu 1 lần/2 năm cho hệ thống cấp độ 1,2; tối thiểu 1 lần/ 1 năm cho hệ thống cấp độ 3).

b) Nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng

Tổ chức phổ biến, quán triệt hai nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng và hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức chữ ký số, học bạ điện tử...

c) Trang thiết bị, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng

Đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ về trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật, nhân lực vận hành an toàn thông tin phù hợp với quy định.

Tổ chức triển khai các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

d) Kế hoạch nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, trang bị kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch 58/KH-SGDĐT, ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông về chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Rà soát, bổ sung nhân lực an toàn thông tin, bảo đảm có tối thiểu 6 người về an toàn thông tin, ứng cứu sự cố trong đơn vị.

Tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng. Xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố, việc tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia. Tổ chức tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng

trong năm học 2024 - 2025.

Duy trì, nâng cao năng lực giám sát an toàn thông tin cho Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) đảm bảo kịp thời phát hiện sự cố tấn công mạng vào các hệ thống thông tin trọng yếu của đơn vị; kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu của SOC đơn vị với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin) để phục vụ công tác điều phối, giám sát, ứng cứu sự cố an toàn thông tin.

Giám sát, phát hiện và công bố hành vi vi phạm quy định pháp luật của Việt Nam trên các nền tảng số thuộc phạm vi quản lý; xử lý theo thẩm quyền hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

Chỉ đạo tăng cường công tác phối hợp giữa lực lượng chuyên trách bảo vệ an toàn, an ninh mạng với các tổ chức đoàn thể có liên quan theo quy định của pháp luật trong thực hiện công tác đảm bảo an ninh mạng.

8. Chính quyền số

Rà soát, hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách để thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo quy định.

Triển khai giám sát, thống kê, báo cáo, kiểm tra trực tuyến, kết nối hệ thống thông tin của cơ quan đơn vị với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý để tự động thu thập dữ liệu theo quy định của pháp luật phục vụ công tác quản lý nhà trường.

Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các CSDL quốc gia; bảo đảm việc kết nối, nối, chia sẻ dữ liệu tuân thủ theo Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử.

Tuyên truyền triển khai Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Đẩy mạnh việc sử dụng các ứng dụng trong nội bộ cơ quan nhà nước, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí hoạt động, đổi mới phương thức làm việc: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử tại địa chỉ: <https://mail.daknong.gov.vn>; Công/trang thông tin điện tử;...

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

Thành lập BCD CDS tại trường. Trực tiếp chỉ đạo xây dựng và ký triển khai kế hoạch thực hiện; bám sát vào nhiệm vụ giải pháp mục tiêu chuyển đổi số của ngành trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị nguồn lực của địa phương tham mưu cho UBND thị trấn triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi số đáp ứng mục tiêu nhiệm vụ cần chuyển đổi số của ngành giáo dục huyện Đắk Song.

Tham mưu UBND thị trấn với Phòng Giáo dục, với UBND huyện quan tâm đầu tư chuyển đổi số của trường. Chủ động lựa chọn các giải pháp triển khai, tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn, phát huy tính chủ động, sáng tạo; phối hợp chặt

chẽ với bộ phận để kịp thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện.

Phân công các thành viên phụ trách, triển khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh.

Chủ động đề xuất, giới thiệu cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia các chương trình cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số do cấp trên tổ chức.

Thực hiện đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục theo quy định.

2. Các thành viên Ban chỉ đạo

Tham mưu và giúp Hiệu trưởng chỉ đạo và đôn đốc triển khai, tổng hợp báo cáo gửi về phòng Giáo dục và Đào tạo khi có yêu cầu.

Thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho giáo viên, cha mẹ học sinh về vai trò của Chương trình chuyển đổi số trong các hoạt động của nhà trường.

Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh về vai trò và lợi ích của chuyển đổi số, của CNTT & TT trong lĩnh vực giáo dục. Tăng cường sự tham gia của cha mẹ học sinh, học sinh cùng góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại. Triển khai các kênh hỗ trợ trực tiếp, trực tuyến (website, mạng xã hội) để hỗ trợ giáo viên, cha mẹ học sinh, học sinh sử dụng các dịch vụ giáo dục trực tuyến.

Đẩy mạnh việc sử dụng Trí tuệ nhân tạo trong quản lý, giảng dạy, kiểm tra đánh giá.

Bám sát các chỉ số của bộ đánh giá CDS để thường xuyên tham mưu đề xuất thực hiện Kế hoạch.

Ngoài ra còn thực hiện một số nhiệm vụ khác do trường ban phân công.

3. Giáo viên chủ nhiệm các lớp

Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của phụ huynh và học sinh về vai trò và lợi ích của chuyển đổi số, của CNTT & TT trong lĩnh vực giáo dục. Tăng cường sự tham gia của phụ huynh, học sinh cùng góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại. thực hiện việc sử dụng mạng an toàn. Triển khai các kênh hỗ trợ trực tiếp, trực tuyến (website, mạng xã hội) để hỗ trợ phụ huynh, học sinh sử dụng các dịch vụ giáo dục trực tuyến.

Thực hiện công tác dạy và học từ xa, ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà cho học sinh. Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong quản lý, giảng dạy, kiểm tra đánh giá.

Thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt.

Cùng với tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn xây dựng và thiết lập bổ sung kho học liệu số (bài giảng điện tử, kho bài giảng e-learning, ngân hàng đề).

Ngoài ra còn thực hiện một số nhiệm vụ khác do trường ban phân công.

4. Hội Cha mẹ học sinh (CMHS)

Tuyên truyền, vận động CMHS tham gia chuyển đổi số trong Nhà trường, trong việc phối hợp thực hiện, nắm bắt khóa khóa, tâm tư, nguyện vọng của CMHS truyền tải tới Hiệu trưởng để giải quyết.

Phối hợp thực hiện tốt an ninh mạng và quản lý, hướng dẫn con em mình sử dụng mạng an toàn.

Vận động CMHS thực hiện đóng tiền các khoản thu không dùng tiền mặt.

4. Chế độ thông tin báo cáo

Báo cáo kết quả tự đánh giá và cung cấp thông tin, minh chứng phục vụ việc đánh giá mức độ chuyển đổi số về phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024 – 2025 của trường Tiểu học Chu Văn An. Các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng và cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nghiêm túc, đầy đủ đúng quy định. Chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin và tài liệu thuộc lĩnh vực mình phụ trách khi có yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để b/c);
- BCD (để c/đ);
- CBGV, NV (th/h);
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Hương